TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 16/01/2019
V/v: Kiện đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân

2. Ông Ya ThY

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn V Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 277/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc: *"Kiện đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2019/TBTA-DS ngày 09/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Kim T (đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ngY đơn: Ông Nguyễn Hoài V, sinh năm 1967 (chồng bà T) và các con bà T, ông V: Ông Nguyễn Hoài A, sinh năm 1990; bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1991; ông Nguyễn Hoàng Quốc A, sinh năm 1997.

Cùng trú tại: 21 tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Nguyễn Hoài Anh, bà Nguyễn Thị Kim Anh, ông Nguyễn Hoàng Quốc Anh, sinh năm 1997 ủy quyền cho ông Nguyễn Hoài V tham gia tố tụng.

2. Bị đơn: Bà Kon Sa K L, sinh năm 1970.

Trú tại: 128 thôn Đ, xã N' T, Đ, Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Ka Să K' Y, sinh năm 1970

Trú tại: 65 thôn Y, xã N' T, Đ, Lâm Đồng.

+ Ông A Dắt Ha K.

Trú tại: 128 thôn Đ, xã N’ T, Đ, Lâm Đồng.

Ông V, bà K’ L, bà K’ Y có mặt, ông A Dắt Ha K có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/6/2017, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa ông Nguyễn Hoài V trình bày: Trước đây vợ ông là bà Đào Kim T có quan hệ vay mượn tiền với bà Kon Sa K L, theo đó bà Kon Sa K L có mượn của vợ ông số tiền là 92.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 24/6/2011 do bà Kon Sa K L có viết và hẹn đến tháng 9 năm 2011 sẽ trả số tiền trên, tuy nhiên bà Kon Sa K L không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ gốc và lãi như đã hẹn.

Năm 2016 vợ ông là bà T chết, không để lại di chúc. Ông và các con là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà T khởi kiện yêu cầu bà Kon Sa K L phải trả cho ông và các con số tiền 92.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Qua yêu cầu của bà K L về việc trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà K L thì ông đồng ý trả lại nếu bà K L trả cho ông số tiền 92.000.000đ.

Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Kon Sa K L trình bày: Bà có quen biết với bà K’ Y, do không có tiền nên nhờ bà K’ Y vay giúp 5.000.000đ, bà Y yêu cầu bà đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi vay. Sau đó bà và bà K’ Y cùng với bà T có làm hồ sơ công chứng tại L để vay tiền ngân hàng (Bà không biết nội dung công chứng là gì). Sau khi Công chứng xong thì bà có hỏi bà K’ Y khi nào có tiền. Bà K’ Y nói chưa giải ngân được, sau đó khoảng 01 năm thì bà T có đến nhà bà đòi tiền, bà không nhận tiền nên bà không đồng ý trả, bà có yêu cầu bà K’ Y đứng ra đối chất với bà T. Bà Y thừa nhận có vay của bà T 25.000.000đ nhưng không đưa cho bà. Bà T yêu cầu bà ghi giấy nợ nhưng do không nhận tiền nên bà không ghi. Sau đó khoảng 06 tháng sau bà T gặp bà lần 2, bắt bà phải ghi giấy nợ, bà cũng không ghi. Tuy nhiên, bà K’ Y nhờ bà ghi nợ hộ bà K’ Y và bà T ép buộc bà phải ghi, đe dọa nên bà mới ghi giấy nợ cho bà T với nội dung là bà nợ bà T 92.000.000đ như giấy nhận nợ ngày 24/6/2011. Nhưng thực tế số tiền gốc bà Y nhận là 25.000.000đ, bà ghi giấy nợ cho bà T là bà ghi hộ bà K’ Y, bà K’ Y là người có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ka Să K’ Y trình bày: Vào ngày 08/11/2010 bà K L có nhờ bà vay số tiền 5.000.000đ, do quen biết với bà Đào Kim T nên bà và bà K L sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Kon Sa K L để vay tiền của bà Đào Kim T số tiền 25.000.000đ, nhưng khi nhận tiền thì chỉ nhận 20.000.000đ, còn 5.000.000đ là tiền lãi. Sau khi nhận tiền bà K L cầm 15.000.000đ còn bà giữ 5.000.000đ. Vào tháng 02/2011 bà Kon Sa K L đã đưa cho bà 15.000.000đ trả tiền cho bà T để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nhưng do công việc gia đình nên bà giữ lại số tiền 15.000.000đ bà K L đưa để trang trải trong gia đình. Sau đó vào năm 2012 do chưa trả được tiền cho bà T nên bà T cho người vào nhà bà K L bắt viết giấy mượn số tiền 92.000.000đ vì lo sợ và bị đe dọa nên bà K L phải viết giấy nợ mà ông V cung

cấp cho Tòa. Do đó, ông V yêu cầu bà K L phải trả số tiền 92.000.000đ là không đúng vì thực tế bà và bà K L chỉ vay của bà T số tiền 25.000.000đ và có cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Kon Sa K L. Do bà K L đã đưa cho bà tiền để trả cho bà T nhưng bà chưa trả nên bà đồng ý trả thay cho bà K L số tiền 25.000.000đ cho bà T để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông A Dắt Ha K trình bày: Ông không viết hay ký giấy mượn tiền của bà Đào Kim T và ông cũng không biết việc vay mượn tiền giữa vợ ông là bà Kon Sa K L và bà Đào Kim T như thế nào. Ông đề nghị Tòa án tiến hành làm việc, công bố chứng cứ, hòa giải, xét xử vắng mặt ông.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

*Tại phiên tòa hôm nay, c*ác bên đương sự giữ ngY ý kiến, yêu cầu của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biêu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài V và các con là người thừa kế quyền của bà Đào Kim T buộc bị đơn bà Kon Sa K L có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 92.000.000đ (chín mươi hai triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Giữa bà Đào Kim T và bà Kon Sa K L có thỏa thuận vay tiền thông qua giấy nhận nợ ngày 24/6/2011 có chữ ký và dấu vân tay của bà Kon Sa K L, thời hạn vay đến tháng 9/2011. Ngày 26/11/2016 bà Đào Kim T chết do bị bệnh, hàng thừa kế thứ nhất của bà T là ông Nguyễn Hoài V, sinh năm 1967 (chồng bà T) và các con bà T, ông V: Ông Nguyễn Hoài A, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Hoàng Quốc A. Do bà Kon Sa K L không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho bà T nên ông Nguyễn Hoài V và các con là Nguyễn Hoài A, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Hoàng Quốc A căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 24/6/2011 mà ông Nguyễn Hoài V đã cung cấp cho Tòa án để khởi kiện yêu cầu bà Kon Sa K L phải thanh toán số tiền nợ gốc là 92.000.000đ. Vì vậy, xác định đây là vụ án *"Kiện đòi tài sản"* giữa các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Hoài V và các con là Nguyễn Hoài A, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Hoàng Quốc A và bị đơn bà Kon Sa K L theo quy định tại Khoản 2 Điều 25, Khoản 1 Điều 33, Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2004 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Giữa bà Đào Kim T và bà Kon Sa K L có thỏa thuận vay mượn tiền với nhau. Ngày 26/11/2016 bà Đào

Kim T chết do bị bệnh, hàng thừa kế thứ nhất của bà T là ông Nguyễn Hoài V, sinh năm 1967 (chồng bà T) và các con bà T, ông V: Ông Nguyễn Hoài A, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Hoàng Quốc A. Căn cứ vào giấy nhận nợ do và K L viết, ký tên và điểm chỉ ngày 24/6/2011 ông V và các con yêu cầu bà K L phải thanh toán số tiền nợ gốc 92.000.000đ như giấy nhận nợ mà ông V đã cung cấp cho Tòa án.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay: bị đơn bà Kon Sa K L thừa nhận giấy nhận nợ ngày 24/6/2011 là do bà viết, ký tên và điểm chỉ nhưng do bà bị bà Đào Kim T đe dọa ép buộc phải viết và thực tế bà và bà K' Y chỉ mượn của bà Đào Kim T số tiền 25.000.000đ trong đó 5.000.000đ là tiền lãi còn số tiền thực tế nhận từ bà Đào Kim T chỉ là 20.000.000đ và khi vay tiền có đưa cho bà Đào Kim T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Kon Sa K L để làm tin, sau khi vay tiền thì bà cho bà Y mượn 5.000.000đ còn bà giữ 15.000.000đ để trang trải trong gia đình, sau đó bà đã đưa cho bà K' Y 15.000.000đ để bà K' Y trả cho bà Đào Kim T để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra nên hiện nay bà không còn nợ nần gì với bà Đào Kim T nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của của ngY đơn.

[4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ka Sã K' Y thống nhất với ý kiến đã trình bày của bà Kon Sa K L.

[5] Qua xem xét toàn diện chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà Đào Kim T và bà Kon Sa Ka L có thỏa thuận vay mượn tiền với nhau là có xảy ra trên thực tế. NgY đơn cho rằng bà K L vẫn chưa trả tiền cho bà T nên khởi kiện yêu cầu bà K L phải trả số tiền 92.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 24/6/2011. Bị đơn bà Kon Sa K L thừa nhận có vay tiền của bà T nhưng số tiền bà vay của bà T thực tế chỉ là 25.000.000đ, giấy nhận nợ ngày 24/6/2011 là do bà T ép buộc bà phải viết và ký tên, điểm chỉ nhưng bà K L không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho những lời khai của mình, trong khi đó ngY đơn không thừa nhận lời tình bày của bà K L. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bị đơn có vay của ngY đơn số tiền 92.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 24/6/2011 nên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho ngY đơn số tiền gốc 92.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc vay mượn tiền giữa bà Kon Sa K L và bà Ka Să K' Y sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[6] Đối với yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Kon Sa K L Hội đồng xét xử thấy rằng: NgY đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận việc bà K L giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T giữ nhằm mục đích làm tin cho việc vay tiền và các bên không làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của bà K L buộc ngY đơn có trách nhiệm trả lại cho bà K L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Về lãi suất: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Hoài V không yêu cầu bà Kon Sa K L phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Kon Sa K L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn cụ thể: 92.000.000đ x 5% = 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài V (chồng bà T) và các con bà T, ông V: Ông Nguyễn Hoài A, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Hoàng Quốc A.

Buộc bà Kon Sa K L có nghĩa vụ trả cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Đào Kim T: Ông Nguyễn Hoài V (chồng bà T) và các con bà T, ông V: Ông Nguyễn Hoài A, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Hoàng Quốc A số tiền nợ gốc là 92.000.000đ (chín hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Buộc ông Nguyễn Hoài V, ông Nguyễn Hoài A, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Hoàng Quốc A có nghĩa vụ trả cho bà Kon Sa K L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Kon sa K' L ngày 19/01/2000.

3. Về án phí:

Buộc bà Kon Sa K L phải chịu 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ông Nguyễn Hoài V, ông Nguyễn Hoài A, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Hoàng Quốc A số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm ngàn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2015/0007136 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. (Do ông Nguyễn Hoài V nộp)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tY án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tY án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Long